

An Lão, ngày 26 tháng 10 năm 2023

“ V/v đề nghị báo giá gói thầu mua sắm
Hóa chất xét nghiệm miễn dịch phục vụ hoạt động thường xuyên
năm 2023-2024 của Bệnh viện đa khoa huyện An Lão”

Kính gửi: Các hãng sản xuất, các nhà cung cấp trang thiết bị y tế tại Việt Nam.

Thực hiện thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ y tế quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập. Bệnh viện đa khoa huyện An Lão có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng giá gói thầu làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm hóa chất xét nghiệm miễn dịch phục vụ hoạt động thường xuyên năm 2023-2024 của Bệnh viện đa khoa huyện An Lão với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa huyện An Lão, Hải Phòng
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Đào Bá Quý; Trưởng khoa Dược; điện thoại: 0977212078; Email: khoaduocbval@gmail.com
3. Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Báo giá bằng văn bản, có chữ ký họ tên, chức danh của người đại diện và đóng dấu công ty.
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Số 99 đường Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn An Lão, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.
4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ 08h ngày 26/10/2023 đến trước 17h ngày 06/11/2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 26/10/2023 đến hết ngày 26/01/2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hóa chất xét nghiệm miễn dịch tại phụ lục đính kèm công văn này.
2. Đề nghị các hãng sản xuất, các nhà cung cấp trang thiết bị y tế tại Việt Nam quan tâm có khả năng cung cấp gửi 01 báo giá bản cứng, các tài liệu kèm theo chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, và các tài liệu liên quan theo mẫu báo giá quy định tại thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ y tế.

Bệnh viện đa khoa huyện An Lão trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCKT, K. Dược, VT.



Vũ Văn Vui

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH ĐỀ NGHỊ BẢO GIÁ
 (Kèm theo công văn số 168/ CV-BVAL ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện An lão)

TT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1	Hóa chất định lượng FT3	*Hóa chất xét nghiệm định lượng FT3 trong huyết tương. *Phương pháp đo: xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh *Dải đo được là 0.88-30 pg/mL *Quy cách 2 x 50 test, trong đó là vi hạt từ, kháng thể anti-T3, Biotinylated T3, đệm và chất bảo quản	7	Hộp
2	Chất hiệu chuẩn FT3	Quy cách: T3 ở 3 nồng độ khác nhau, trong đó:C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ	3	Hộp
3	Hóa chất định lượng FT4	*Hóa chất xét nghiệm định lượng FT4 trong huyết tương hoặc huyết thanh. *Phương pháp đo: xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh *Dải đo được là: 0.3-6.0 ng/dL *Quy cách 2 x 50 test, trong đó là vi hạt từ, kháng thể anti-T4, Biotinylated T4, đệm và chất bảo quản	7	Hộp
4	Chất hiệu chuẩn FT4	Quy cách: FT4 ở 3 nồng độ khác nhau, trong đó:C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ; C2:1×2.0 mL/lọ	3	Hộp
5	Hóa chất định lượng TSH	*Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH trong huyết thanh *Phương pháp đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải tuyến tính là 0.005 μIU/mL-100 μIU/mL *Quy cách 2 x 50 test, trong đó là vi hạt từ, kháng thể anti-TSH, đệm và chất bảo quản	5	Hộp
6	Chất hiệu chuẩn TSH	*Quy cách: TSH ở 3 nồng độ khác nhau, trong đó:C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ	2	Hộp

TT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
7	Hóa chất định lượng TG	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Tg trong huyết thanh *Phương pháp đo: xét nghiệm miễn dịch enzym 2 điểm *Dải tuyến tính là 0.1 - 500 ng/mL *Quy cách 2 x 50 test, trong đó là vi hạt từ phủ kháng thể đơn dòng kháng Anti-Tg, Anti-Tg antibody-alkaline phosphate	5	Hộp
8	Chất hiệu chuẩn TG	*Quy cách: Tg ở 3 nồng độ khác nhau, trong đó:C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ	2	Hộp
9	Hóa chất định lượng CA 15-3	*Hóa chất xét nghiệm định lượng CA 15-3 trong huyết tương hoặc huyết thanh. *Phương pháp đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải đo được là là 1 - 350 U/L *Quy cách 2 x 50 test, trong đó là vi hạt từ, kháng thể anti-CA15-3, đệm và chất bảo quản	5	Hộp
10	Chất hiệu chuẩn CA 15-3	*Quy cách: CA 15-3 ở 2 nồng độ khác nhau, trong đó:C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ; C0:1×2.0 mL/lọ (Huyết thanh bò)	2	Hộp
11	Hóa chất định lượng CA 125	*Hóa chất xét nghiệm định lượng CA 12-5 trong huyết tương hoặc huyết thanh. *Phương pháp đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải đo được là là 1 - 5000 U/L *Quy cách 2 x 50 test, trong đó là vi hạt từ, kháng thể anti-CA12-5, đệm và chất bảo quản	5	Hộp
12	Chất hiệu chuẩn 125	*Quy cách: CA 12-5 ở 3 nồng độ khác nhau, trong đó:C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ	2	Hộp

TT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
13	Hóa chất định lượng Calcitonin	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Calcitonin trong huyết thanh *Phương pháp đo: xét nghiệm miễn dịch enzym 2 điểm *Dải tuyến tính là 0.5 - 2000 pg/mL *Quy cách 2 x 50 test, trong đó là vi hạt từ phủ kháng thể đơn dòng kháng Anti-CT, Anti-CT antibody-alkaline phosphate	5	Hộp
14	Chất hiệu chuẩn Calcitonin	*Quy cách: Calcitonin ở 3 nồng độ khác nhau, trong đó: C0:1x2.0 mL/lọ; C1:1x2.0 mL/lọ ; C2:1x2.0 mL/lọ	2	Hộp
15	Hóa chất định lượng AFP	*Hóa chất xét nghiệm định lượng AFP trong huyết thanh hoặc huyết tương *Phương pháp đo: Xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải đo được là 0.5-1210 ng/mL *Quy cách 2 x 50 test, trong đó là vi hạt từ, kháng thể anti-AFP, đệm và chất bảo quản	5	Hộp
16	Chất hiệu chuẩn AFP	Quy cách: AFP ở 3 nồng độ khác nhau, trong đó: C0:1x2.0 mL/lọ; C1:1x2.0 mL/lọ ; C2:1x2.0 mL/lọ	2	Hộp
17	Hóa chất định lượng CEA	*Hóa chất xét nghiệm định lượng CEA trong huyết tương hoặc huyết thanh. *Phương pháp đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải đo được là 0.2-1000 ng/mL *Quy cách 2 x 50 test, trong đó là vi hạt từ, kháng thể anti-CEA, đệm và chất bảo quản	5	Hộp
18	Chất hiệu chuẩn CEA	Quy cách: CEA ở 3 nồng độ khác nhau, trong đó: C0:1x2.0 mL/lọ; C1:1x2.0 mL/lọ ; C2:1x2.0 mL/lọ	2	Hộp
19	Hóa chất định lượng Free PSA	*Hóa chất xét nghiệm định lượng FPSA trong huyết thanh *Phương pháp đo: Xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải đo được là 0.01-30 ng/mL *Quy cách 2 x 50 test, trong đó là vi hạt từ, kháng thể anti-FPSA, đệm và chất bảo quản	5	Hộp

TT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
20	Chất hiệu chuẩn Free PSA	*Hóa chất hiệu chuẩn định lượng FPSA *Quy cách : FPSA ở 3 nồng độ khác nhau, trong đó: C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ	2	Hộp
21	Chất kiểm chuẩn mức cao cho các marker ung thư	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm CA125, TPSA, FPSA, AFP, FERR, CEA, CA19-9, CA15-3	2	Hộp
22	Chất kiểm chuẩn mức thấp cho các marker ung thư	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm CA125, TPSA, FPSA, AFP, FERR, CEA, CA19-9, CA15-3	2	Hộp
23	Chất tạo huỳnh quang cho xét nghiệm miễn dịch	Bao gồm AMPPD (2-Amino-2-hydroxymethyl-propane-1,3-diol), chất tạo huỳnh quang và chất hoạt động bề mặt.	3	Hộp
24	Dung dịch rửa	Bao gồm Đệm phosphate (H ₂ P04-/HPO4 ²⁻), nước, chất hoạt động bề mặt, chất bảo quản	10	Thùng
25	Chất kiểm chuẩn mức thấp cho các marker chất chuyển hóa	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm Vitamin D, VB12, Folate, PTH, CT, Ferritin	2	Hộp
26	Chất kiểm chuẩn mức cao cho các marker chất chuyển hóa	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm Vitamin D, VB12, Folate, PTH, CT, Ferritin	2	Hộp
27	Chất kiểm chuẩn mức thấp cho các marker tuyến giáp	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm FT3, FT4, T3, T4, TSH, Tg	4	Lọ
28	Chất kiểm chuẩn mức cao cho các marker tuyến giáp	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm FT3, FT4, T3, T4, TSH, Tg	4	Lọ